# TÁC ĐỘNG CỦA COVID-19 ĐẾN NỀN KINH TẾ - NHỮNG ĐÁNH GIÁ BAN ĐẦU VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

**Tô Trung Thành**
*Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*
*Emai: thanhtt@neu.edu.vn*
**Bùi Trinh**
*Viện Nghiên cứu phát triển Việt Nam (VIDERI)*
*Email: buitrinhcan@gmail.com*

Ngày nhận: 04/4/2020
Ngày nhận bản sửa: 11/4/2020
Ngày duyệt đăng: 20/4/2020

**Tóm tắt:**
*Đại dịch COVID-19 là một cú sốc lớn đến kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tác động của nó theo những cách thức chưa có tiền lệ. Nghiên cứu này những đánh giá ban đầu về tác động của dịch bệnh đến nền kinh tế. Theo đó, nếu dịch bệnh kéo dài, khả năng nền kinh tế rơi vào suy thoái là rất cao. Tính riêng tác động của hạn chế giao thương với Trung Quốc đã khiến nền kinh tế có thể suy giảm 0,6% đến 0,8% tăng trưởng GDP. Chính phủ cần tập trung vào chính sách tài khóa và tăng cường an sinh xã hội, không nên lạm dụng chính sách tiền tệ trong ứng phó với dịch COVID-19.*
**Từ khóa**: COVID-19, Bảng I/O, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ.
**Mã JEL**: A10, E00, F41.

**Impacts of COVID-19 on the economy – Initial assessment and policy implications**

***Abstract:***
*The COVID-19 pandemic was a great shock to the world economy in general and Vietnam in particular. Its impacts on the economy were in unprecedented ways. This study attempts to initially assess the impact of the pandemic on the Vietnam's economy. Accordingly, if the pandemic lasts for long, the probability of the economy falling into recession is very high. The impact of trade restrictions with China alone has declined the economy by 0.6% to 0.8% of GDP growth. The Government should focus on fiscal policy and enhance social security benefit, but not abuse monetary policy in response to the COVID-19 pandemic.*
***Keywords:*** *COVID-19, I/O table, fiscal policy, monetary policy.*
***JEL code:*** *A10, E00, F41.*

## 1. Giới thiệu

Dịch bệnh COVID-19 khởi phát từ Vũ Hán, Trung Quốc từ đầu năm 2020. Cho tới thời điểm ngày 12/4/2020, dịch bệnh đã lan tới khoảng 200 quốc gia, vùng lãnh thổ với 1.784.751 trường hợp nhiễm bệnh và hơn 109.011 ca tử vong. Số người nhiễm bệnh và tử vong vì bệnh đều vượt xa các con số liên quan đến dịch SARS trong năm 2002-2003 (26 quốc gia, 8,098 trường hợp nhiễm và 774 trường hợp tử vong) và MERS trong năm 2012 (27 quốc gia, 2.494 trường hợp nhiễm và 858 trường hợp chết). Nếu như trước tháng 3, dịch bệnh chủ yếu diễn ra ở Trung Quốc thì kể từ tháng 3 dịch bệnh đã lan nhanh ở các nước ngoài Trung Quốc, đặc biệt là ở Italy, Iran, Hàn Quốc. Châu Âu và Mỹ - hai nền kinh tế lớn nhất thế giới – số ca nhiễm bắt đầu tăng mạnh. Thống kê cho đến ngày 12/4, Việt Nam cũng đã có 258 ca nhiễm.

Những diễn biến trên cho thấy dịch COVID-19

không phải là một bệnh dịch thông thường, trong một khu vực địa lý, mà là một đại dịch (pandemic) có phạm vi toàn cầu. Nếu như dịch SARS kéo dài 6 tháng mới bị khống chế (số lượng người bị nhiễm và chết tăng không đáng kể) và khoảng 8 tháng mới chấm dứt thì với quy mô lây nhiễm như hiện tại của COVID-19, thời gian có thể khống chế và chấm dứt dịch bệnh có thể kéo dài lâu hơn thế.

Khi đại dịch diễn ra trong một thời gian từ 3 tháng trở lên trên quy mô toàn cầu, nó sẽ tạo ra cú sốc trên cả hai phía cung và cầu với mọi nền kinh tế. Theo dự báo của Bloomberg, trong kịch bản tồi nhất, thiệt hại tổng cộng của toàn bộ nền kinh tế toàn cầu có thể lên đến 2,7 nghìn tỷ USD, với các nền kinh tế rơi vào suy thoái, bao gồm ở Mỹ, khu vực đồng EUR và Nhật Bản, và mức tăng trưởng chậm nhất tại Trung Quốc.[1] Trong báo cáo về triển vọng kinh tế định kỳ, OECD (2020) cảnh báo dịch COVID-19 hiện đang là mối đe dọa lớn nhất cho nền kinh tế thế giới kể từ sau khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008, ảnh hưởng nghiêm trọng đến cung, cầu và thương mại hàng hóa dịch vụ trên toàn thế giới. OECD (2020) đã điều chỉnh dự báo về tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ ở mức 1.5%. Còn theo UNCTAD (2020), kinh tế thế giới có thể thiệt hại từ 1.000-2000 tỷ USD, và tăng trưởng có thể sụt giảm đến 0,5% trong trường hợp xấu nhất. Thậm chí, EIU (2020) dự báo kinh tế toàn cầu có thể giảm 2,2% trong năm 2020.

Có thể nói, dịch COVID-19 là một cú sốc rất lớn đến thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng và tác động đến nền kinh tế theo cách chưa từng có tiền lệ. GDP quý 1 năm 2020 chỉ tăng 3,82% - mức tăng thấp nhất trong vòng một thập niên gần đây; chỉ số lạm phát quý cao nhất trong 5 năm trở lại đây; các ngành du lịch, dịch vụ, vận tải, kho bãi, công nghiệp chế biến chế tạo.... đều bị suy giảm tăng trưởng nặng nề; vốn FDI vào nền kinh tế cũng giảm sút...Bài nghiên cứu này có mục tiêu đánh giá bước đầu tác động của dịch bệnh đến nền kinh tế Việt Nam và đưa ra một số khuyến nghị chính sách nhằm ứng phó với đại dịch. Do hạn chế về số liệu và khó khăn trong việc xây dựng các bảng I/O liên quốc gia giữa Việt Nam với các bạn hàng lớn trên thế giới, nên phần nghiên cứu định lượng dự báo tác động của COVID-19 chủ yếu dựa vào bảng I/O song phương giữa Việt Nam và Trung Quốc để đánh giá riêng hạn chế giao thương với Trung Quốc có thể có ảnh hưởng như thế nào đến nền kinh tế.

Bài viết sẽ bắt đầu bằng đánh giá chung tác động của dịch COVID-19 đến nền kinh tế qua các kênh khác nhau, sau đó là nghiên cứu định lượng tác động của dịch COVID-19 đến GDP và kết thúc là một số khuyến nghị chính sách.

**2. Tác động của dịch COVID-19 đến nền kinh tế**

Tại Việt Nam, tác động của dịch COVID 19 đến nền kinh tế có thể có nhiều kênh, trong đó, *kênh trực tiếp* từ tác động của các hoạt động và chi phí phòng dịch, cũng như chữa trị bệnh trong các ngành liên quan đến y tế; và *kênh gián tiếp* là từ tác động của hành vi phản ứng/đối phó của các thành viên kinh tế trước diễn biến khó lường của dịch bệnh, bao gồm: (i) hành vi của chính phủ (lệnh cách ly, đóng cửa biên giới, hạn chế giao thương, cấm các hoạt động văn hóa thể thao du lịch,....); (ii) hành vi của doanh nghiệp và tổ chức (tự hạn chế các hoạt động sản xuất kinh doanh,....); (iii) hành vi của người tiêu dùng (hạn chế giao tiếp, hạn chế mua bán và du lịch, tự cách ly,....).

Những kênh tác động trên đã khiến nền kinh tế bị tác động một cách mạnh mẽ, nhiều chiều, và lâu dài. Kinh tế sẽ suy giảm nhanh chóng do các kênh trên có tác động giảm mạnh đến cả tổng cung (các doanh nghiệp suy giảm sản xuất, đứt gãy nguồn cung đầu vào, thượng nguồn chuỗi giá trị bị ảnh hưởng....) và tổng cầu (nhu cầu tiêu dùng trong nước và đầu tư sản xuất suy giảm, xuất khẩu giảm mạnh...). Đặc biệt, Việt Nam hiện đã là một nền kinh tế có độ mở lớn với thế giới (năm 2019, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu trên GDP đã lên đến 200%, cao nhất trong khu vực), khu vực đối ngoại (xuất nhập khẩu, đầu tư FDI) lại là đầu tầu cho tăng trưởng trong những năm qua, đang và sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng do diễn biến xấu từ thế giới, theo đó, mức độ tác động của dịch COVID 19 đến nền kinh tế sẽ lớn hơn nhiều .

Để đánh giá chi tiết hơn đến nền kinh tế, có thể đánh giá đến 4 khu vực của nền kinh tế (khu vực kinh tế thực, khu vực đối ngoại, khu vực tài chính tiền tệ, và khu vực ngân sách)

*Ở khu vực kinh tế thực,* do tác động của các kênh ở trên, nên hầu hết các ngành dịch vụ của nền kinh tế bị ảnh hưởng ngay lập tức, và rất nặng nề như các ngành Dịch vụ lưu trú và ăn uống (do khách du lịch đến Việt Nam giảm mạnh, riêng Trung Quốc đã chiếm đến 30% cơ cấu khách quốc tế vào Việt Nam); Vận tải, kho bãi – đặc biệt nặng nề là ngành hàng không, do các đường bay bị dừng khai thác, và thậm chí đóng cửa biên giới; Giáo dục và đào tạo – do các trường học và các hệ thống giáo dục các cấp đóng cửa; Nghệ thuật, vui chơi và giải trí

– do các hoạt động xã hội bị hạn chế, thậm chí bị cấm. Cần lưu ý là ngành dịch vụ đang duy trì tốc độ tăng trưởng trên 7% trong 3 năm gần đây, chiếm tới 41,64% tổng sản lượng năm 2019, (cao nhất so với các ngành khác của nền kinh tế); và là ngành quan trọng giữ nhịp cho tăng trưởng kinh tế trong nhiều năm qua. Theo đó, tăng trưởng ngành dịch vụ bị ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh, sẽ kéo lùi tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế.

Bên cạnh đó, các ngành khác bị ảnh hưởng gián tiếp, nhưng mức độ tác động mạnh không kém.

Ngành nông lâm thủy sản bị tác động do các lệnh giới hạn về giao thương, đặc biệt là với Trung Quốc. Kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc giảm sút mạnh, và chưa thể xoay sang các thị trường khác, mà hiện nay cũng rất khó khăn; trong khi Trung Quốc hiện là thị trường quan trọng của các sản phẩm nông sản của Việt Nam (năm 2019, xuất khẩu nông sản sang Trung Quốc là 5,5 tỷ USD bằng 24,6% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản).

Ngành chế biến chế tạo, đặc biệt những ngành đóng góp lớn vào xuất khẩu và tăng trưởng nền kinh tế như dệt may, giầy da, điện tử, lắp ráp ô tô ... cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Đây là ngành tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, khi chủ yếu nhập đầu vào từ Trung Quốc, Hàn Quốc và xuất sang Mỹ, châu Âu. Việt Nam hiện nhập khẩu từ Trung Quốc chiếm đến 30% tổng kim ngạch nhập khẩu, trong đó chủ yếu là nhập đầu vào sản xuất và máy móc thiết bị. Cụ thể nhập đầu vào công nghiệp; máy móc thiết bị; điện tử điện thoại linh kiện từ Trung Quốc lần lượt chiếm đến 34,16%; 38,62% và 29,80% tổng kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng tương ứng trong năm 2019. Việt Nam cũng nhập khẩu máy vi tính, linh kiện điện tử từ Hàn Quốc chiếm thị phần cao nhất gần 35%. Việc hạn chế giao thương với các đối tác lớn này, đồng thời sản xuất tại các nước này cũng bị đình trệ, dẫn đến sự đứt đoạn trong quá trình sản xuất trong chuỗi giá trị tại Việt Nam. Bên cạnh đó, thượng nguồn của chuỗi giá trị mà Việt Nam tham gia là Mỹ và EU cũng đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch COVID-19, khiến cho việc xuất khẩu sang các thị trường cũng trở nên khó khăn, thậm chí là suy giảm. Như vậy, cả thượng nguồn và hạ nguồn của chuỗi giá trị Việt Nam tham gia đều bị ảnh hưởng nặng nề. Trong khi đó, ngành chế biến chế tạo lại là ngành chủ lực của các ngành sản xuất công nghiệp. Theo đó, ngành công nghiệp nói chung cũng sẽ gặp tình trạng suy giảm.

Đi kèm với các ngành sản xuất là tình trạng doanh nghiệp khốn đốn, doanh nghiệp phải đóng cửa sản xuất, tạm dừng hoạt động, theo đó là tình trạng gia tăng thất nghiệp, và thu nhập người dân bị giảm sút nghiêm trọng. Hiện nay, số lượng lao động trực tiếp làm việc ở các ngành bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh là rất lớn. Ngành công nghiệp chế biến chế tạo đang có khoảng 20 triệu lao động, riêng ngành dệt may là khoảng 3 triệu lao động trực tiếp. Ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống là hơn 5 triệu lao động. Ngành vận tải kho bãi là 3,3 triệu lao động...

*Ở khu vực đối ngoại,* khó khăn kinh tế thế giới cùng với sự đứt gẫy của chuỗi cung ứng toàn cầu, nên kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng lớn. Bên cạnh đó, khu vực FDI, đầu tầu tăng trưởng của kinh tế trong những năm qua cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Hàn Quốc và Nhật Bản đang là các quốc gia đứng đầu về lượng vốn FDI đầu tư vào Việt Nam. Nếu nền kinh tế Hàn Quốc và Nhật Bản bị thiệt hại do dịch bệnh, chắc chắn vốn FDI của các quốc gia này vào Việt Nam sẽ sụt giảm mạnh. Các nhà đầu tư mới từ các quốc gia khác cũng sẽ có xu hướng giảm và dừng tìm kiếm cơ hội đầu tư do khó khăn ở chính quốc gia họ. Các doanh nghiệp FDI đang hoạt động tại Việt Nam, đặc biệt là Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc... – chiếm tỷ trọng lớn trong khu vực FDI - bị ảnh hưởng lớn do đi lại khó khăn, nhân công không sang được Việt Nam để vận hành, không nhập được nguyên nhiên vật liệu. Theo đó, hoạt động của các doanh nghiệp này cũng bị đình trệ, ảnh hưởng đến đóng góp ngân sách của các doanh nghiệp FDI, cũng như đóng góp khu vực này đến nền kinh tế.

*Ở khu vực tài chính tiền tệ,* các chính sách nới lỏng tiền tệ, giảm lãi suất của các nước trên thế giới sẽ gây thêm sức ép đến tỷ giá trong nước. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trở nên khó khăn, thậm chí phá sản nếu không có những giải pháp kịp thời, sẽ dẫn đến nợ xấu gia tăng, và gây áp lực lớn lên hệ thống tài chính tiền tệ. Khó khăn và bất ổn kinh tế thực cũng khiến thị trường chứng khoán suy giảm mạnh.

*Ở khu vực tài chính ngân sách*, gia tăng các chi phí để chống dịch, và phòng chữa bệnh ngày càng gia tăng nhanh do quy mô tăng của dịch bệnh chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến ngân sách. Trong tình trạng ngân sách đang khó khăn và nguồn thu bị suy giảm do kinh tế suy giảm; nguồn lực lại dồn về công tác phòng chống dịch bệnh, sẽ khiến tình hình thâm hụt ngân sách gia tăng, đồng thời các nguồn lực khác để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bị thu hẹp đáng kể.

Nếu dịch bệnh chỉ kéo dài hai đến ba tháng, đa

phần các doanh nghiệp bị ảnh hưởng vẫn có thể chịu đựng được. Có thể một số doanh nghiệp nhỏ sẽ phải tạm ngừng hoạt động do không đủ vốn lưu động để bù đắp cho chi phí thuê lao động và thuê mặt bằng kinh doanh. Các chủ doanh nghiệp quy mô lớn và trường vốn vẫn có thể trả cho người lao động có hợp đồng ở mức lương tối thiểu. Đa số người lao động sẽ sử dụng tiền tiết kiệm để chi tiêu thay vì đi tìm việc làm mới. Cầu đối với phần còn lại của nền kinh tế chỉ bị ảnh hưởng đôi chút.

Nếu dịch bênh tiếp tục kéo dài thêm 3 tháng, 6 tháng, thậm chí đến hết năm, thì khả năng nền kinh tế có thể rơi vào thời kỳ suy thoái là rất cao nếu không có những giải pháp đột phá và quyết liệt. Những kênh tác động ở trên đã phân tích sẽ tiếp tục bị xoáy sâu bởi vòng xoáy tổng cung giảm, sản xuất suy giảm, doanh nghiệp không thể trụ vững phải ngưng sản xuất, sa thải lao động, thu nhập người lao động giảm xuống, khiến tổng cầu giảm, tiếp tục làm sản xuất suy giảm...Vòng xoáy này sẽ bị xoáy sâu hơn khi kinh tế thế giới và các bạn hàng quan trọng của Việt Nam cũng bị suy thoái. Suy thoái trong nền kinh tế thực cũng sẽ gây áp lực lớn đến đến hệ thống tài chính tiền tệ - xương sống của nền kinh tế, theo đó, tiếp tục tác động ngược trở lại khu vực kinh tế thực.

Về dài hạn, các nguồn lực của nền kinh tế được dành cho ngành y tế cho công tác phòng và chữa bệnh ngày càng gia tăng, trong bối cảnh tổng ngân sách suy giảm do nguồn thu giảm sút mạnh. Theo đó, các nguồn lực cho đầu tư phát triển suy giảm nghiêm trọng. Bên cạnh đó, vốn con người cũng bị suy giảm mạnh, chất lượng giáo dục suy giảm. Theo đó, tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế cũng có thể bị ảnh hưởng.

**3. Dự báo tác động của dịch COVID-19 đến GDP năm 2020**

Do số liệu không đầy đủ, để định lượng tác động của COVID-19 đến nền kinh tế, chúng tôi chỉ nghiên cứu riêng tác động của hạn chế giao thương với Trung Quốc đến tăng trưởng GDP của nền kinh tế. Nghiên cứu sử dụng Bảng cân đối liên ngành song phương giữa Việt Nam và Trung Quốc[2] để tính toán các kịch bản tác động.

***3.1. Cấu trúc bảng I/O liên quốc gia Việt Nam - Trung Quốc***

Bảng I/O liên quốc gia có cấu trúc giống như bảng I/O liên vùng, nhưng trong khi bảng I/O liên vùng trong một quốc gia miêu tả luồng nội thương với vùng khác thì bảng I/O liên quốc gia mô tả luồng ngoại thương giữa một quốc gia với quốc gia khác. Bảng I/O liên quốc gia là sự liên kết các bảng I/O của các quốc gia thông qua giao dịch thương mại/đầu tư giữa hai nước nhằm giúp các nhà hoạch định chính sách nghiên cứu sự ảnh hưởng lẫn nhau trong giao dịch thương mại/đầu tư.

Trong bảng I/O quốc gia theo cách hiểu cơ bản nhất là sản xuất, giá trị tăng thêm, nhập khẩu… chịu ảnh hưởng của mối quan hệ liên ngành và nhu cầu cuối cùng. Trong bảng I/O liên quốc gia, ngoài những ảnh hưởng trên còn có ảnh hưởng liên quốc gia. Mô hình I/O liên quốc gia nhằm mục đích đo lường sự biến động về sản xuất hoặc tiêu dùng của quốc gia này đối với sản xuất và thu nhập của quốc gia khác.

Những ảnh hưởng về sản xuất của một quốc gia bao gồm:

*Ảnh hưởng số nhân (Multiplier effects):* Là ảnh hưởng trực tiếp và ảnh hưởng gián tiếp gây nên bởi nhu cầu cuối cùng các sản phẩm được sản xuất tại quốc gia đó.

*Ảnh hưởng ngược liên quốc gia (Inter-national feedback effects):* Là ảnh hưởng về sản xuất của quốc gia A tạo nên bởi quốc gia B trong quá trình sản xuất sử dụng sản phẩm của Quốc gia A.

*Ảnh hưởng tràn (Spillover effects):* Là nhu cầu về nhập khẩu của Quốc gia A về sản phẩm của Quốc gia B thay đổi gây nên bởi nhu cầu cuối cùng của Quốc gia A khi sử dụng sản phẩm của mình. Điều này có nghĩa nhu cầu cuối cùng sản phẩm được sản xuất trong nước cũng kích thích hay kìm hãm sản xuất của nước khác có giao dịch ngoại thương. Khi nhu cầu cuối cùng tăng sẽ kéo theo sản xuất tăng, từ đó, kéo theo nhập khẩu làm chi phí đầu vào tăng lên. Do đó, ngay cả khi người Việt Nam dùng hàng Việt Nam vẫn lan tỏa kích thích sản xuất của nước khác. Chẳng hạn sản xuất của Việt Nam sử dụng nhiều sản phẩm sản xuất tại Trung Quốc làm đầu vào sẽ kích thích những ngành sản xuất ra sản phẩm đó ở Trung Quốc. Nói tổng quát, sản lượng và giá trị tăng thêm của một quốc gia được tạo ra có thể do tiêu dùng cuối cùng của quốc gia khác.

Nghiên cứu này phân rã giá trị sản xuất và giá trị gia tăng của một quốc gia được tạo ra bởi (i) nhu cầu cuối cùng nội địa (bao gồm tiêu dùng cuối cùng, đầu tư và xuất khẩu đến các nước còn lại); (ii) nhu cầu sản xuất của một quốc gia khác, sự lan tỏa này được hiểu khi quốc gia A sử dụng sản phẩm của quốc gia

**Bảng 1: Cấu trúc bảng I/O liên quốc gia Việt Nam và Trung Quốc**

| | | Chi phí trung gian | | Sản phẩm cuối cùng | | Giá trị sản xuất (gross output) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | **Việt Nam** | **Trung Quốc** | **Việt Nam** | **Trung Quốc** | **Gi** |
| Tiêu dùng trung gian | Việt Nam | Xvv | Xvc | Yvv | Yvc | Xv |
| | Trung Quốc | Xcv | Xcc | Ycv | Ycc | Xc |
| Nhập khẩu từ phần còn lại thế giới (ROW) | | MPv | MPc | Myv | Myv | |
| Giá trị tăng thêm | | VAv | $VA_C$ | | | |
| Tổng chi phí (gross input) | | Xv | Xc | | | |

B cho nhu cầu cuối cùng sẽ dẫn đến kích thích sản xuất của quốc gia B; trong quá trình sản xuất quốc gia B sử dụng sản phẩm của quốc gia A làm chi phí trung gian dẫn đến kích thích ngược đến sản lượng của quốc gia A; (iii) quốc gia B sử dụng sản phẩm của quốc gia A cho nhu cầu cuối cùng; và (iv) ngay khi nước B sử dụng sản xuất trong nước của chính họ sẽ kéo theo sự thay đổi về sản xuất của chính nước B, khi nước B sử dụng sản phẩm của nước A làm chi phí đầu vào sẽ lan tỏa đến sản lượng của nước A.

Trong đó, Xvv: Chi phí trung gian của Việt Nam sử dụng sản phẩm trong nước; Xvc: Chi phí trung gian của Trung Quốc có đầu vào là sản phẩm của Việt Nam; Xcv: Chi phí trung gian của Việt Nam sử dụng đầu vào là sản phẩm của Trung Quốc; Xcc: Chí phí trung gian của Trung Quốc sử dụng sản phẩm sản xuất trong nước; Yvv: Sử dụng cuối cùng của Việt Nam sử dụng sản phẩm sản xuất trong nước; Yvc: Sử dụng cuối cùng của Trung Quốc đối với sản phẩm của Việt Nam; Ycv: Sản phẩm của Trung Quốc cho sử dụng cuối cùng của Việt Nam; Ycc: sử dụng cuối cùng của Trung Quốc sử dụng sản phẩm sản xuất trong nước; MPv: Nhập khẩu từ phần còn lại của thế giới cho sản xuất của Việt Nam, MPc: Nhập khẩu từ phần còn lại của thế giới cho sản xuất của Trung Quốc; Myv: Nhập khẩu từ phần còn lại của thế giới cho sử dụng cuối cùng của Việt Nam; Myc: Nhập khẩu từ phần còn lại của thế giới cho sử dụng cuối cùng của Trung Quốc; VAv, VAc, Xv và Xc là véc tơ giá trị tăng thêm và giá trị sản xuất của Việt Nam và Trung Quốc tương ứng.

Một số đặc điểm đáng lưu ý thu được từ bảng I/O liên quốc gia Việt Nam và Trung Quốc này là:

(i) Trong chi phí trung gian của Việt Nam, có 8% đầu vào được nhập khẩu từ Trung Quốc, trong khi đó, trong chi phí trung gian của Trung Quốc chỉ sử dụng 0,1% đầu vào nhập khẩu từ Việt Nam. Điều này phần nào cho thấy mức độ quan trọng tương đối của các sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc đối với nền sản xuất của Việt Nam là lớn hơn hẳn chiều ngược lại.

(ii) Xét về các yếu tố của cầu cuối cùng (Final Demand) ảnh hưởng đến sản xuất và thu nhập cho thấy, chi tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình ở Việt Nam chiếm tỷ trọng trong tổng giá trị tăng thêm (GVA)[3] cao hơn Trung Quốc đến 20 điểm phần trăm (56% so với 36%), bù lại chi tiêu dùng cuối cùng chính phủ của Trung Quốc cao hơn Việt Nam 8 điểm phần trăm (14% và 6%). Tuy nhiên, tổng tiêu dùng cuối cùng của Trung Quốc trong tổng giá trị tăng thêm (GVA) vẫn khá thấp so với Việt Nam (50% so với 62%), trong khi tỷ trọng xuất khẩu thuần trong GVA của Việt Nam thậm chí còn cao hơn Trung Quốc.

(iii) Tỷ lệ sản phẩm đầu vào là nhập khẩu trong

chi phí trung gian của Việt Nam lớn hơn hẳn tỷ lệ này của Trung Quốc (0,29 so với 0,08). Điều này cho thấy Trung Quốc sản xuất ra nhiều sản phẩm hỗ trợ tham gia vào chi phí trung gian trong quá trình sản xuất, trong khi Việt Nam ngoài những sản phẩm đầu vào là dịch vụ, điện nước tham gia vào chi phí trung gian còn hầu như không có nhiều sản phẩm hỗ trợ tham gia vào chi phí trung gian trong quá trình sản xuất của mình. Điều này cho thấy lan tỏa từ cầu cuối cùng đến phía cung của Việt Nam thấp hơn so với lan tỏa đến nhập khẩu.

### *3.2. Kết quả tác động thông qua các kịch bản*

Dựa trên Bảng cân đối liên ngành song phương, nghiên cứu đưa ra một số kịch bản tác động của dịch cúm COVID-19:

*Một là tác động của việc hạn chế quan hệ thương mại qua đường tiểu ngạch với Trung Quốc.* Giả sử xuất nhập khẩu qua đường tiểu ngạch giảm 30%, do Việt Nam nhập từ Trung Quốc cho nhu cầu cuối cùng cao hơn Việt Nam xuất sang Trung Quốc (hơn 2 lần), từ bảng I/O song phương cho thấy, GDP của Việt Nam không giảm mà thậm chí có thể tăng khoảng 0,7%.

*Hai là tác động của ngành du lịch giảm sút.* Tổng cục Du lịch Việt Nam đã ước tính thiệt hại vì COVID-19 trong 3 tháng sẽ ở mức 5,9 - 7,7 tỷ USD[4], tập trung chủ yếu ở thị trường khách Trung Quốc, quốc tế và nội địa. Với thị trường Trung Quốc, khách du lịch sẽ giảm 90 - 100%, tương ứng từ 1,7 đến 1,9 triệu lượt (1,8 - 2 tỷ USD). Các thị trường quốc tế khác được dự báo giảm 50 - 70%, tương đương 2 - 2,8 triệu lượt (2,2 - 3 tỷ USD). Thị trường nội địa giảm 50 - 70%, khoảng 10,9 - 15,3 triệu lượt (1,9 - 2,7 tỷ USD)[5]. Gộp các ngành liên quan đến du lịch như khách sạn, nhà hàng, vận tải, vui chơi - giải trí có tỷ lệ giá trị tăng thêm so với giá trị sản xuất (doanh thu) khoảng 30%. Như vậy, ảnh hưởng đến giá trị tăng thêm của các hoạt động liên quan đến du lịch khoảng 1,8 - 2,3 tỷ USD, chiếm khoảng 0,8% GDP. Với những giả thiết Tổng cục Du lịch đưa ra ở trên, GDP dự báo giảm 1,2% - 1,4%.

*Ba là tác động của việc suy giảm nhập khẩu từ Trung Quốc.* Giả sử nhập khẩu từ Trung Quốc giảm 5% sẽ khiến GDP của Việt Nam giảm 0,1%. Nguyên nhân chủ yếu là do sản xuất của Việt Nam dựa phần lớn vào đầu vào sản xuất và công nghệ từ bên ngoài, đặc biệt là từ Trung Quốc, vì vậy việc đứt gẫy sản xuất nguồn cung ứng từ Trung Quốc ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực sản xuất và sản lượng của nền kinh tế.

*Bốn là tổng hòa một số kịch bản trên.* Nếu tổng hòa kịch bản xuất nhập khẩu tiểu ngạch với Trung Quốc giảm 30%, thiệt hại doanh thu du lịch 5,9 tỷ USD và nhập khẩu từ Trung Quốc cho sản xuất giảm 5% thì GDP dự báo có thể giảm 0,6%. Trong kịch bản tổng hòa các yếu tố, nếu thiệt hại doanh thu du lịch nặng nề hơn (7,79 tỷ USD), thì GDP dự báo sẽ giảm 0,8%.

Như vậy, chỉ riêng việc hạn chế giao thương với Trung Quốc do tác động của dịch COVID-19 đã kéo giảm tăng trưởng kinh tế Việt Nam từ 0,6% đến 0,8%. Nếu tính cả tác động nhiều chiều và từ các khu vực khác như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, châu Âu chắc chắn nền kinh tế bị ảnh hưởng nặng nề hơn rất nhiều.

## 4. Khuyến nghị chính sách kinh tế đối phó với đại dịch COVID-19

Do tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế đều đang suy giảm mạnh, nên Chính phủ cần thực hiện và phối hợp chính sách một cách chủ động để đồng thời tác động gia tăng tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế. Trước đó, Chính phủ cần ưu tiên các nguồn lực để ngăn ngừa, phát hiện, cách ly và dập dịch quyết liệt để đảm bảo dịch không được lây lan trên

**Bảng 2: Tổng hợp các kịch bản tác động đến GDP**

| STT | Kịch bản | Thay đổi GDP |
|---|---|---|
| 1 | Xuất nhập khẩu tiểu ngạch với Trung Quốc giảm 30% | +0,7% |
| 2 | Thiệt hại về doanh thu các ngành liên quan đến du lịch 5,9 tỷ USD | –1,2% |
| 3 | Thiệt hại về doanh thu các ngành liên quan đến du lịch 7,79 tỷ USD | –1,4% |
| 4 | Nhập khẩu từ Trung Quốc cho sản xuất giảm 5% | –0,1% |
| 5 | Kết hợp kịch bản 1, 2, 4 | –0,6% |
| 6 | Kết hợp kịch bản 1,3,4 | –0,8% |

*Nguồn: Tính toán của tác giả dựa trên Bảng cân đối song phương Trung Quốc - Việt Nam.*

diện rộng...

*Thứ nhất*, việc mở rộng chính sách tiền tệ quy mô lớn sẽ có hiệu quả thấp do khả năng hấp thụ được dòng tín dụng mới là rất khó khăn, các doanh nghiệp đóng cửa sản xuất hay sản xuất cầm chừng không phải vì thiếu vốn mà vì cầu giảm sút nghiêm trọng, chuỗi sản xuất toàn cầu bị đình trệ, nên phản ứng của doanh nghiệp đối với chính sách là rất yếu trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó, điều này còn có thể gia tăng rủi ro ổn định vĩ mô. Vì vậy, không nên lạm dụng chính sách tiền tệ để kích thích nền kinh tế. Ngân hàng Nhà nước chủ yếu đảm bảo và hỗ trợ thanh khoản cho các ngân hàng thương mại để giúp các NHTM có thể hỗ trợ về điều kiện tín dụng, giảm lãi suất, hay cơ cấu lại thời hạn trả nợ.... cho các doanh nghiệp đang gặp khó khăn vì đại dịch, đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp gia tăng được tính thanh khoản – điểm mấu chốt giúp các doanh nghiệp trụ lại được trong giai đoạn khó khăn này.

Bên cạnh đó, cần tháo gỡ quyết liệt những rào cản tiếp cận vốn của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ; ví dụ như minh bạch hóa các quy định liên quan đến cấp tín dụng gồm điều kiện, thủ tục và quy trình cấp tín dụng; xem xét bổ sung danh mục tài sản được chấp nhận làm tài sản đảm bảo, tăng tỷ lệ cho vay so với tài sản đảm bảo; mở rộng hình thức cho vay tín chấp thông qua việc chấp nhận sử dụng tài sản vô hình và nhãn hiệu thương mại của doanh nghiệp để đảm bảo cho các khoản vay; cải tiến quy trình cho vay, thủ tục vay vốn, nâng cao khả năng thẩm định để rút ngắn thời gian giải quyết cho vay, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn nhưng vẫn đảm bảo an toàn vốn vay.

Cần lưu ý, Chính phủ hỗ trợ và khuyến khích các tổ chức tín dụng chia sẻ khó khăn với doanh nghiệp, chứ không nên là chính sách kích thích kinh tế và hỗ trợ lãi suất quy mô lớn như năm 2009. Hiện nay, tỷ lệ cung tiền/GDP của Việt Nam đang ở mức cao nhất khu vực, cung tiền M2/GDP gia tăng liên tục từ năm 2011 và đến năm 2019 ở mức gần 160% (cao nhất khu vực ASEAN); đồng thời dư nợ tín dụng/GDP cũng tăng dần qua các năm và đã đạt tới 134% trong năm 2019. Vì vậy, việc gia tăng mạnh cung tiền và tín dụng mới có thể có rủi ro về lạm phát. Cần kiên định với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô trong dài hạn.

*Thứ hai,* thay vì tập trung vào chính sách tiền tệ, chính phủ cần tập trung hơn vào chính sách tài khóa chủ động, giúp cho các doanh nghiệp giảm được các gánh nặng chi phí, từ đó chống đỡ tốt hơn trong đại dịch. Nên tập trung áp dụng một số chính sách miễn giảm thuế phí, phí; giãn thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội cho các doanh nghiệp phải ngưng sản xuất hoặc sản xuất cầm chừng do dịch COVID-19. Hiện nay các chi phí liên quan đến lương như bảo hiểm xã hội đang là một gánh nặng lớn đối với doanh nghiệp, nên không những giãn đóng bảo hiểm xã hội mà cần cân nhắc để miễn hoặc giảm đóng bảo hiểm xã hội cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng bởi dịch COVID-19. Chính phủ cũng cần có những cải cách chính sách thuế theo hướng giảm mạnh suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Đây cũng là cơ hội để cải cách cải cách tài khóa theo hướng bền vững và hỗ trợ tăng trưởng. Cụ thể: (i) Cần cải cách hệ thống thuế nhằm giảm bớt gánh nặng thuế khóa, tạo nguồn thu ngân sách ổn định và cân bằng cần được coi là quan điểm chủ đạo; (ii) Cần cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng ổn định và gia tăng hiệu quả đầu tư phát triển, chỉ bố trí vốn từ ngân sách nhà nước cho những công trình thật sự cần thiết, có hiệu quả cao đồng thời kiểm soát chặt chẽ đầu tư công nhằm chống dàn trải, lãng phí, thất thoát, tham nhũng; (iii) Do vai trò hạn chế của thuế liên quan đến tài sản như thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và nông nghiệp, nên cần nỗ lực để có thể ban hành loại thuế tài sản phù hợp thay vì tăng các loại thuế đánh vào tiêu dùng; (iv) Cần tăng cường quản lý ngân sách nhà nước, quản lý nợ công theo nguyên tắc đảm bảo công khai minh bạch, kỷ luật tài chính, giám sát chặt chẽ, sử dụng hiệu quả và đánh giá theo kết quả đầu ra, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế; (v) Chú trọng công tác quản lý nợ chính quyền địa phương, do quy mô nợ của chính quyền địa phương trong thời gian tới có thể sẽ thay đổi, gây gia tăng nợ công của quốc gia. Cần ban hành các quy định chi tiết và rõ ràng hơn về việc sử dụng và trả nợ của chính quyền địa phương, tăng cường trách nhiệm của chính quyền địa phương.

Trong bối cảnh các nguồn lực tư nhân và FDI đều bị giảm sút do dịch COVID-19, thì vai trò vốn từ ngân sách nhà nước trở nên quan trọng và cần được tăng cường. Hiện nay, việc giải ngân vốn đầu tư công chậm trễ đã diễn ra trong vài năm qua phản ánh những bất cập trong quá trình thực hiện Luật Đầu tư công; thể chế pháp luật về đầu tư công chưa thực sự đồng bộ, thống nhất, và hoàn thiện; dẫn đến tình trạng khó khăn và vướng mắc trong quá trình

triển khai và giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là về đất đai, thủ tục hành chính. Đây chính là những điểm nghẽn cần phải giải quyết để khai thông nhanh dòng vốn này.

*Thứ ba*, để duy trì được tổng cầu của nền kinh tế, không để suy giảm mạnh và xoáy sâu vào suy thoái, Chính phủ phải chủ động củng cố và gia tăng chi tiêu cho an sinh xã hội; tăng trợ cấp thất nghiệp, kéo dài thời hạn nhận bảo hiểm thất nghiệp, và giải quyết các thủ tục nhận trợ cấp thất nghiệp nhanh chóng; giảm thuế cho nhóm thu nhập thấp; nâng mức khởi điểm thuế thu nhập cá nhân; hỗ trợ nhóm người dễ bị tổn thương (lao động trình độ thấp, lao động khu vực phi chính thức, khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa,...)

*Thứ tư*, với nguồn lực ngân sách hạn hẹp hiện nay, để có đủ nguồn lực vừa đối phó với dịch bệnh COVID-19, vừa phải thực thi các gói hỗ trợ kích thích kinh tế, vừa phải duy trì những nguồn lực tăng trưởng dài hạn, Chính phủ cần dựa vào sự tham gia của toàn dân chứ không thể chỉ dựa vào nguồn lực của Chính phủ. Vì vậy, khuyến khích các hoạt động xã hội hóa, đóng góp của doanh nghiệp và người dân chung tay chi phí cho dịch bệnh là rất cần thiết hiện nay.

*Thứ năm,* đối với doanh nghiệp:

(i) Doanh nghiệp cần trước hết bảo vệ chính mình. Các doanh nghiệp chuẩn bị và sẵn sàng các giải pháp chống đỡ có hiệu quả. Đây cũng là cơ hội để tự cải cách cấu trúc doanh nghiệp, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất, tìm kiếm các thị trường mới....

(ii) Doanh nghiệp cần có đơn vị phụ trách phản ứng nhanh chuyên đưa ra các giải pháp nhanh để thích ứng với dịch COVID-19. Các vấn đề có liên quan như kiểm tra và bảo vệ sức khỏe người lao động, nghiên cứu và đưa ra các kịch bản đối phó với dịch COVD-19, kiểm tra sức chịu đựng của doanh nghiệp, tăng cường hợp tác thông tin và phối hợp với các cơ quan chức năng về dịch bệnh,.... cần nhanh chóng và theo kịp diễn biến của dịch bệnh

(iii) Doanh nghiệp cần đảm bảo thanh khoản đủ để chống đỡ qua đợt dịch. Cần kiểm tra và lên phương án tài chính, các dòng tiền, cân đối tài chính .... cho nhiều kịch bản khác nhau để đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp ổn định.

(iv) Cần kiểm tra, giám sát và phát triển các chuỗi cung ứng sản xuất để đảm bảo sản xuất thông suốt. Các doanh nghiệp cần chủ động phân tích, tìm hiểu và xác định rõ mức độ và khả năng cung ứng đầu vào của các nhà cung ứng cấp 1, cấp 2, cấp 3 hiện có. Đồng thời tái cấu trúc, điều chỉnh cũng như tìm kiếm các nguồn cung ứng mới đảm bảo yếu tố linh hoạt và khả năng tự phục hồi.

(v) Cần nắm bắt được xu thế thay đổi của thị trường để đáp ứng được nhu cầu của người mua; đầu tư vào khách hàng mục tiêu và dự đoán hành vi để đáp ứng; tìm các phương cách marketimg và bán hàng mới. Đồng thời tìm kiếm thêm thị trường mới để thay thế và hồi phục sản xuất.

**Ghi chú:**

1. https://www.bloomberg.com/graphics/2020-coronavirus-pandemic-global-economic-risk/

2. Bảng cân đối liên ngành liên quốc gia giữa Việt Nam và Trung Quốc được lập bởi nhóm nghiên cứu của Viện Nghiên cứu phát triển Việt Nam cho năm 2016 với 36 ngành.

3. GDP = GVA + thuế sản phẩm - trợ cấp sản xuất

4. Theo Hệ thống các tài khoản quốc gia của Liên hợp quốc, không có ngành cấp I hoặc cấp II nào là ngành du lịch, ngành du lịch là tên gọi phân theo cấp quản lý, ở hầu hết các nước thường lập các tài khoản vệ tinh về du lịch (Satellite accounts on tourism).

5.https://vnexpress.net/du-lich/du-lich-mat-khoang-7-ty-usd-4051459.html

**Tài liệu tham khảo**

EIU (2020), *Global Outlook - Pandemic sinks global growth prospects*, http://country.eiu.com/article.spx?articleid=1119350495&Country=Angola&topic=Economy&subtopic=Recent+developments.

UNCTAD (2020), *Investment Trend Monitor*.

OECD (2020), *OECD Economic Outlook, Interim Report*, March 2020.